

Số: 514/2018/QĐST- HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 19 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 253/2018/TLST- HNGĐ ngày 08/5/2018 giữa:

-**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Minh C, sinh năm 1971; trú tại: 59 Nguyễn H phường Hương L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-**Bị đơn:** Anh Trần Minh T, sinh năm 1970; trú tại: 59 Nguyễn H, phường Hương L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/9/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/9/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị Minh C và anh Trần Minh T.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a/ Về hôn nhân: Anh T, chị C chung sống vợ chồng không còn hạnh phúc nguyên nhân do anh, chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hai năm nay anh, chị sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, anh T, chị C cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

b/ Về nuôi con chung: Anh T, chị C cùng xác nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung là Trần Thị Nam P, sinh ngày 16/5/1997 và Trần Lê Phương U, sinh ngày 10/7/2005. Cháu P đã trưởng thành nên anh, chị không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng cháu, còn cháu Trần Lê Phương U chưa trưởng thành có nguyện vọng ở với chị C nên anh T, chị C thỏa thuận giao cháu U cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T cấp dưỡng tiền nuôi cháu U mỗi tháng

2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 9/2018 đến khi cháu U thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c/ Về tài sản chung: Anh Trần Minh T và chị Lê Thị Minh C tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d/ Về nợ chung: Anh Trần Minh T và chị Lê Thị Minh C cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

đ/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Anh Trần Minh T và chị Lê Thị Minh C mỗi người phải chịu án phí ly hôn 75.000 đồng. Chị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn của cả hai người là 150.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Trần Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, nhưng chị Lê Thị Minh C tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con thay cho anh Tài.

Tổng cộng hai khoản án phí chị Lê Thị Minh C phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị Lê Thị Minh C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/004856 ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Nếu quá thời hạn thỏa thuận thanh toán, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm ./

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSNDTP Huế;
- UBNDP Vạn Thạnh, TP Nha T;
- (CNKH ngày 11/12/1995)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh